

Bản án số: 268/2018/DS-PT  
Ngày: 28-12-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Văn Sơn**

Bà **Phạm Thị Hồng Vân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:** Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2018/TLPT-DS ngày 05-12-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 234/2018/QĐPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968;

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1972 (có mặt);

2. Chị Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: Số 06, ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1973;

Cư trú tại: Ấp L, xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Kim P.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà B trình bày:*

Vào ngày 24-7-2016, bà P và chị H làm giấy, ký tên vay của bà số tiền 110.000.000 đồng, số tiền trên bà đã giao đủ cho bà P và chị H, bà giao tiền nhiều lần, không nhớ rõ cụ thể từng lần, việc cho vay không tính lãi, bà cho bà P trả dần hàng tháng, bà P đã trả cho bà được 8 lần từ tháng 8-2016 đến tháng 03-2017, mỗi lần trả 5.500.000 đồng, riêng hai lần tháng 2 và tháng 3-2017 bà P chỉ trả cho bà được 3.000.000 đồng/lần, hình thức trả tiền: Bà P trả góp bằng cách giao thẻ rút tiền ngân hàng cho bà giữ, đến ngày rút tiền lương thì bà rút hết tiền trong thẻ, bà lấy 5.500.000 đồng, còn bao nhiêu thì bà giao hết lại cho bà P. Đến tháng 3-2017 thì bà P nghỉ làm công nhân nên không trả góp tiền cho bà nữa. Số tiền bà P trả góp được cho bà tổng cộng là 39.000.000 đồng, còn nợ lại 71.000.000 đồng. Đến ngày 22-8-2017, bà P vay thêm của bà số tiền 118.000.000 đồng để làm chi phí cho chị H đi hợp tác lao động, bà và bà P có lập hợp đồng cho vay tiền và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực. Hình thức trả là tháng 5-2018 bà P trả cho bà 30.000.000 đồng, từ tháng 12-2018, cứ 6 tháng bà P có trách nhiệm trả cho bà 25.000.000 đồng, lần này bà cho bà P vay cũng không tính tiền lãi. Tổng số tiền bà P còn nợ bà là 189.000.000 đồng. Ngày 08-6-2018 bà P có trả được cho bà số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có lập giấy giao nhận tiền và thỏa thuận số nợ tổng là 169.000.000 đồng.

Bà P và chị H vay tiền về sử dụng mục đích sinh hoạt gia đình và để trả nợ chung nên nay bà yêu cầu bà P, ông D (chồng bà P) có trách nhiệm trả bà số tiền 169.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính tiền lãi. Bà rút yêu cầu khởi kiện chị H do chị H là con ruột của ông D và bà P; chị H sinh hoạt kinh tế gia đình chung với ông D và bà P.

*Bị đơn bà Nguyễn Kim P trình bày:* Bà thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án bà và bà B có thỏa thuận số tiền bà nợ bà B là 189.000.000 đồng, trong số tiền trên bà vay bà B nhiều lần, có một lần chị H là con gái bà cùng ký tên vào giấy vay tiền do chị H viết. Do bà không có khả năng trả nợ nên bà vi phạm thời hạn trả nợ cho bà B. Bà thừa nhận số tiền bà và chị H vay của bà B là sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình và trả nợ cho gia đình của bà. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà cho rằng số tiền 118.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 22-7-2018 là tổng số tiền nợ cũ bà còn nợ bà B là 71.000.000 đồng và số tiền lãi của khoản nợ 110.000.000 đồng là 47.000.000 đồng; ngày 08-6-2018, bà đã trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng nên chỉ còn nợ bà B số tiền 98.000.000 đồng và bà đồng ý với việc bà B không yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ với bà.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập họp lệ ông D, chị H để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông D và chị H đều cố tình vắng mặt

không có lý do và không nộp văn bản ý kiến cho Tòa án.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-PT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D.

2. Buộc bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 169.000.000 (Một trăm sáu mươi chín triệu) đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với chị Huỳnh Thị Mỹ H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-10-2018, bà Nguyễn Kim P kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng bà P chỉ trả cho bà B số tiền nợ là 98.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Kim P, ông Huỳnh Văn D trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 98.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kim P thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B và bà P trình bày thống nhất vào ngày 24-7-2016, bà P vay của bà B số tiền 110.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả nợ theo hình thức trả góp 5.000.000 đồng/tháng, đến tháng 3 năm 2017 thì bà P ngưng góp tiền cho bà B và tính đến tháng 3 năm 2017 thì bà P đã trả cho bà B số tiền 39.000.000 đồng, bà P còn nợ lại bà B số tiền 71.000.000 đồng.

Đến ngày 22-8-2017, bà B và bà P ký kết hợp đồng cho vay tiền (bút lục số 18) với nội dung bà B cho bà P vay số tiền 118.000.000 đồng. Bà B cho rằng số tiền 118.000.000 đồng này là nợ mới, bà P vay với mục đích cho chị H có chi phí đi hợp tác lao động nước ngoài và không liên quan số tiền nợ cũ. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P cho rằng số tiền 118.000.000 đồng là tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản tiền nợ 110.000.000 đồng vay ngày 24-7-2016, bà đã trả góp được số tiền 39.000.000 đồng nên còn nợ lại bà B số tiền 71.000.000 đồng và bà B tính tiền lãi bà thiếu là 47.000.000 đồng cộng vào thành 118.000.000 đồng, ngày 08-6-2018 bà đã trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng, nên hiện nay bà chỉ còn nợ bà B số tiền là 98.000.000 đồng.

Xét thấy, các bên ký kết hợp đồng cho vay tiền ngày 22-8-2017 (bút lục số 18) nhưng không có biên bản giao nhận tiền và tại phiên tòa phúc thẩm, bà B thừa nhận bà không có giao số tiền 118.000.000 đồng cho bà P. Đến thời điểm ngày 22-8-2017, bà P còn nợ bà B số tiền là 71.000.000 đồng và bà P không có việc làm, không có thu nhập khác thì việc bà B khai bà P tiếp tục cho bà P mượn số tiền 118.000.000 đồng là số tiền lớn hơn số tiền nợ cũ là không phù hợp. Hơn nữa, bà B cho rằng số tiền 118.000.000 đồng tại giấy nợ ghi ngày 22-8-2017 bà cho bà P mượn nhiều lần nhưng không nhớ mỗi lần cho mượn bao nhiêu, cho mượn thời gian nào. Do đó, lời trình bày của bà B là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà B số tiền 98.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những nhận định trên xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc bà P, ông D trả cho bà B số tiền nợ là 98.000.000 đồng là phù hợp.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa án phí dân sự sơ thẩm.

Bà B không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 71.000.000 đồng nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.550.000 đồng.

Bà P, ông D phải trả cho bà B số tiền 98.000.000 đồng nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.900.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà P được chấp nhận nên bà P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27, 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày ngày 30

tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim P.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D.

Buộc bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 98.000.000 (Chín mươi tám triệu) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D trả số tiền 71.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà Nguyễn Thị B đối với chị Huỳnh Thị Mỹ H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.550.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 4.725.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016039 ngày 01-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí là 1.175.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim P và ông Huỳnh Văn D cùng phải chịu 4.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Kim P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0016490 ngày 22-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lưu Ánh Nguyệt**